TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31/12/2025.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thành và ông Trần Văn Hòa.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tham gia phiên toà***: Ông Trần Xuân Trường - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu C, xã X, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L: Bà Phạm Thị T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T2 tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Đinh Văn H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu C, xã X, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do, bà T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Đinh Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2005 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã X, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và làm việc tại xã X, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung,

không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2022 đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Đinh Thị Thùy L1, sinh ngày 01/8/2005 và cháu Đinh Anh B, sinh ngày 29/01/2013. Cháu L1 đã thành niên, có khả năng lao động tự túc nên chị không đề nghị Toà án giải quyết. Còn cháu B hiện nay đang với anh H và mẹ đẻ anh H, được ăn học và phát triển đầy đủ. Để thuận lợi cho việc học tập và chỗ ở của cháu nên chị đề nghị giao cháu B cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Anh B cùng anh H là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/01 tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L là bà Phạm Thị T có quan điểm: Do cuộc sống chung giữa chị L và anh H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được dẫn đến việc ly thân, hai bên không có tiếng nói chung nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Đinh Văn H.

Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là cháu Đinh Thị Thùy L1, sinh ngày 01/8/2005 và cháu Đinh Anh B, sinh ngày 29/01/2013. Cháu L1 đã thành niên, có khả năng lao động tự túc nên chị L không đề nghị Toà án giải quyết. Còn cháu B hiện nay đang với anh H và mẹ đẻ anh H được ăn học và phát triển đầy đủ. Để thuận lợi cho việc học tập và chỗ ở của cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu B cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Anh B cùng anh H là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/01 tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

2, P bị đơn anh Đinh Văn H: Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần, anh H biết rõ việc chị L xin ly hôn nhưng anh H đều vắng mặt, không đến Tòa án làm việc.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2025 bà Đinh Thị Thúy N (mẹ đẻ anh H) trình bày: Chị L và anh H được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2005 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã X, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bà tại khu C, xã X, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Từ năm 2022 chị L đã về nhà mẹ đẻ chị ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm ai. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị L xin ly hôn anh H, bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị L và anh H có 02 con chung là cháu Đinh Thị Thùy L1, sinh ngày 01/8/2005 và cháu Đinh Anh B, sinh ngày 29/01/2013. Cháu L1 đã thành niên, có khả năng lao động tự túc nên bà không đề nghị Toà án giải quyết. Còn cháu B hiện nay đang ở cùng anh H và bà, do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà luôn giúp đỡ anh H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Trường hợp anh chị ly hôn bà đề nghị Toà án giao cháu B cho anh H được nuôi dưỡng, bà cam kết sẽ giúp đỡ anh H trong việc chăm sóc cháu B. Anh H hiện nay làm lao động tự do có thu nhập khoảng 10.000.000đ đến 20.000.000đ/01 tháng đảm bảo điều kiện để nuôi cháu B.

4, Nguyện vọng của cháu Đinh Anh B: Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương đến nhà anh H để làm việc, tuy nhiên cháu B không có mặt ở nhà, đang đi chơi nhà dì ruột tại Hà Nội, nên không có ý kiến trình bày của cháu B trong hồ sơ vụ án. Bà N trình bày bà có nói chuyện với cháu B thì cháu B có nói nguyện vọng của cháu là xin được ở với anh H và bà N.

5, Qua xác minh tại UBND xã X ngày 28/11/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị L và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn 23/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã X, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng nên chung sống không hạnh phúc. Từ năm 2022 chị L đã về nhà mẹ đẻ chị L ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh H nữa. Chị L và anh H có 02 con chung là cháu Đinh Thị Thùy L1, sinh ngày 01/8/2005 và cháu Đinh Anh B, sinh ngày 29/01/2013. Cháu L1 đã thành niên, có khả năng lao động tự túc. Còn cháu B hiện nay đang ở cùng anh H và mẹ đẻ anh H. Anh H hiện nay đi làm lao động tự do nhưng vẫn đi về ở cùng bà N để chăm sóc cháu B. Nay chị L xin ly hôn anh H đề nghị Toà án giải quyết về con chung của anh chị theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy đinh tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3

điều 228; Điều 238; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Đinh Văn H.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Đinh Anh B, sinh ngày 29/01/2013 cho anh Đinh Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Bảo thành N1 (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Anh B là 2.000.000đ/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2026 đến khi cháu Bảo thành N1 (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị Trần Thị L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Đối với cháu Đinh Thị Thùy L1, sinh ngày 01/8/2005 đã thành niên (trên 18 tuổi), chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị L được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh H có hộ khẩu thường trú tại khu C, xã X, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ Điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị L có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh H đã được Toà án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị L và anh H là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã X, tỉnh Phú Thọ) cho đăng ký kết hôn ngày 23/4/2005 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị L cho rằng quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2022 đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Phía anh H Toà án báo gọi nhiều lần, anh H biết rõ việc Toà án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị L và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Mẹ đẻ anh H là bà Đinh Thị Thúy N xác nhận sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Từ năm 2022 chị L đã về nhà mẹ đẻ chị ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm ai. Tòa án đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh chị được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng nên chung sống không hạnh phúc. Từ năm 2022 chị L đã về nhà mẹ đẻ chị L ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh H nữa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh H đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là cháu Đinh Thị Thùy L1, sinh ngày 01/8/2005 và cháu Đinh Anh B, sinh ngày 29/01/2013. Cháu L1 đã thành niên, có khả năng lao động tự túc, chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi ly hôn chị L đề nghị giao cháu B cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tuy trong hồ sơ vụ án không có ý kiến trình bày của cháu B nhưng hiện nay cháu B đang ở cùng anh H. Bà Đinh Thị Thúy N, là mẹ đẻ anh H đã trao đổi điện thoại với cháu B thì cháu B có nguyện vọng xin được ở với anh H, bà N đề nghị giao cháu B cho anh H nuôi dưỡng và bà cam kết giúp đỡ anh H trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cả cháu B. Vì vậy, để ổn định chỗ ăn ở, thuận lợi cho sự phát triển, học tập của con chung cần giao cháu B cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu B cùng anh H là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/01 tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Bảo thành N1 (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị L là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1, Điều 28; điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Đinh Văn H.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Đinh Anh B, sinh ngày 29/01/2013 cho anh Đinh Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Bảo thành N1 (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Anh B là 2.000.000đ/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2026 đến khi cháu Bảo thành N1 (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị Trần Thị L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Đối với cháu Đinh Thị Thùy L1, sinh ngày 01/8/2005 đã thành niên (trên 18 tuổi), chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị L được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 6 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 6 - Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh P;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền